

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30-11-2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Nhung;

2. Bà Trần Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tô Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 788/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/11/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24/11/2020, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Nhã P, sinh năm 1995; thường trú: 11/1A khu phố P, phường B, thành phố A, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2/ *Bị đơn:* Anh Võ Trường H, sinh năm 1992; thường trú: 11/1A khu phố P, phường B, thành phố A, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/9/2020 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị Nhã P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Nhã P và anh Võ Trường H có thời gian tìm hiểu 02 năm thì tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã A (nay là thành phố A), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48/2013, quyển số 01, ngày 13/6/2013.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại địa chỉ 11/1A khu phố P, phường B, thành phố A, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H thường xuyên tụ tập bạn bè nhậu nhẹt, không tu chí làm ăn, sống không có trách nhiệm với gia đình dẫn đến việc hai vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói

chung. Chị P đã khuyên bảo anh H nhưng không thay đổi mà còn đánh đập chị, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Ngoài ra, vào năm 2018 anh H có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con. Chị P đã nhiều lần tạo cơ hội để anh H thay đổi và hòa hợp nhưng không thành. Từ tháng 7/2020 chị P và anh H sống ly thân, không còn quan tâm yêu thương nhau. Nay chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị P và anh H có hai con chung tên Võ Tấn H1, sinh ngày 02/01/2012 và H2, sinh ngày 23/5/2016, hiện nay con chung đang ở với anh H. Sau khi ly hôn chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung H2 và đồng ý giao con chung Võ Tấn H1 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Chị P làm công nhân thu nhập 01 tháng 8.500.000 đồng nên có đủ khả năng nuôi dưỡng con trưởng thành.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo biên bản lấy lời khai ngày 26/10/2020 và lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Võ Trường H trình bày:

Thông nhất với lời khai của nguyên đơn về thời gian, điều kiện kết hôn và nơi sinh sống của vợ chồng sau khi kết hôn.

Quá trình chung sống hai vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống, không có gì lớn, nguyên nhân chủ yếu là do anh H thường xuyên tụ tập bạn bè nhậu nhẹt, không chăm lo đến gia đình, chị P khuyên bảo nhưng anh không nghe. Anh H thừa nhận có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác làm chị P buồn lòng, bản thân anh đã nhận thấy sai lầm nên đã chấm dứt mối quan hệ đó. Nay anh còn thương vợ, mong muốn hai vợ chồng về đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con chung nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Võ Tấn H1, sinh ngày 02/01/2012 và H2, sinh ngày 23/5/2016. Do không đồng ý ly hôn nên anh H không yêu cầu giải quyết vấn đề con chung. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh, chị ly hôn thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh làm tài xế xe tải và nuôi cá, ngoài ra anh còn phụ giúp bố mẹ bán quán ăn với mức thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 26/10/2020, cháu Võ Tấn H1 trình bày: Hiện tại cháu H1 đang sống với bố, nếu ba mẹ ly hôn cháu H1 có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ.

- Ngày 26/10/2020, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa chị Trần Thị Nhã P và anh Võ Trường H tại Hội Liên hiệp phụ nữ phường B và được cung cấp như sau: Trước khi nộp đơn ly hôn tại Tòa án chị Trần Thị Nhã P không có đơn yêu cầu Hội Liên hiệp phụ nữ phường B tiến hành hòa giải. Đồng thời, Hội Liên hiệp phụ nữ phường B cũng không tiếp nhận phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn giữa hai anh, chị, do đó không biết rõ giữa hai anh, chị có mâu thuẫn như thế nào, vấn đề con chung, công

việc và thu nhập Hội Liên hiệp phụ nữ phường B cũng không biết nên không cung cấp được thông tin cho Tòa án.

- *Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị Trần Thị Nhã P và bị đơn anh Võ Trường H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Nhã P và anh Võ Trường H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã A (nay là thành phố A), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48/2013, quyển số 01, ngày 13/6/2013 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Chị P xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H thường xuyên tụ tập bạn bè nhậu nhẹt, không tu chí làm ăn dẫn đến hai vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Ngoài ra anh H còn có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Về phía bị đơn anh H cho rằng trong cuộc sống hôn nhân hai vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống gia đình. Anh H thừa nhận bản thân anh có tụ tập bạn bè ăn nhậu, không chăm lo cho gia đình. Ngoài ra, anh có quan hệ tình cảm ngoài hôn nhân với người phụ nữ khác nhưng anh đã nhận ra sai lầm nên đã chấm dứt mối quan hệ đó.

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Xét thấy, chị P và anh H đều thừa nhận quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau nguyên nhân xuất phát từ việc anh H thường xuyên nhậu nhẹt. Mặc dù anh H cho rằng hiện nay anh đã chấm dứt mối quan hệ tình cảm ngoài hôn nhân, anh mong muốn hàn gắn tình cảm với chị P nhưng chị P không đồng ý, vẫn cương quyết ly hôn. Thực tế chị P và anh H đã ly thân từ tháng 7/2020 cho đến nay, giữa vợ chồng anh, chị không còn sự quan tâm, chia sẻ. Đồng thời, kể từ khi hòa giải cho đến ngày xét xử anh H không đưa ra được phương án nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị P yêu cầu được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị P và anh H có 02 con chung tên Võ Tấn H1, sinh ngày 02/01/2012 và H2, sinh ngày 23/5/2016. Chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H2, anh H yêu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu H1 và H2. Tuy nhiên, việc giao con cho chị P hay anh H nuôi dưỡng còn phải xem xét đến quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên.

Xét, cháu H2 hiện nay còn nhỏ, cần sự quan tâm chăm sóc nuôi dưỡng của mẹ và phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu H2 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Riêng cháu H1 đang sống ổn định với anh H, đồng thời để tránh làm xáo trộn môi trường sống, ảnh hưởng đến tâm sinh lý của cháu nên cần giao cháu H1 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Nghĩa vụ nuôi con là của cả cha lẫn mẹ. Tuy nhiên, chị P và anh H không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung (nợ chung): Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An về quan điểm giải quyết vụ án.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Nhã P phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Nhã P về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với bị đơn anh Võ Trường H.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Nhã P được ly hôn với anh Võ Trường H [Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48/2013, quyển số 01, do Ủy ban nhân dân phường B, thị xã A (nay là thành phố A), tỉnh Bình Dương cấp ngày 13/6/2013].

1.2 Về con chung: Chị Trần Thị Nhã P giao con chung Võ Tấn H1, sinh ngày 02/01/2012 cho anh Võ Trường H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Võ Trường H giao con chung Võ Thanh H2, sinh ngày 23/5/2016 cho chị Trần Thị Nhã P trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau ly hôn, chị Trần Thị Nhã P và anh Võ Trường H có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền được cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

1.3 Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị Nhã P và anh Võ Trường H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

1.4 Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Nhã P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0048632 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Dĩ An;
- Chi cục THADS TP. Dĩ An;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương